

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

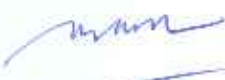
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	9.257.618.174	98.359.086.344
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(21.282.582.919)	(51.760.211.389)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.024.964.745)	46.598.874.955
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		2.105.594.920	(5.974.679.799)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.452.789.832	9.191.466.412
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.306.668	236.003.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.01	<u>5.562.691.420</u>	<u>3.452.789.832</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng



Đặng Đức Hoàng

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Huyện Phú Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông, tên tiếng anh là Vien Dong Assurance Corporation (tên viết tắt là VASS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/11/2003 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 05/06/2020 về việc tăng vốn. Thời gian hoạt động: 50 năm.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh: Kinh doanh bảo hiểm gốc: Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm chung; Bảo hiểm rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; Bảo hiểm nông nghiệp. Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tên tiếng anh: VIEN DONG ASSURANCE COPORATION.

Tên viết tắt: VASS.

Mã chứng khoán: IFA (OTC).

Trụ sở chính: 19 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Công ty có trụ sở chính tại Tp. HCM, 26 chi nhánh và 28 đơn vị kinh doanh/văn phòng dịch vụ khách hàng trên toàn quốc.

5. Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Viễn Đông

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Viễn Đông được thành lập và hoạt động kinh doanh số 76/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 01/02/2008 và được điều chỉnh theo giấy phép số 112/GPĐC-UBCK ngày 19/11/2012 được ký bởi Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước.

Hoạt động chính: Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ 135.000.000.000 đồng. Tỷ lệ đầu tư trực tiếp, sở hữu và biểu quyết của Công ty là 78%.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

7. Tổng số nhân viên đến 31/12/2023: 240 người.

(Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2022: 254 người).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012, thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ tài chính kế toán đối với doanh nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành, thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Công ty trích lập dự phòng phải thu theo phương pháp tỷ lệ % trên số dư nợ phải thu quá hạn thanh toán. Phần trăm (%) trích lập được xác định theo thông tư hướng dẫn hiện hành như sau:

Thời hạn nợ	Tỷ lệ trích lập
Công nợ phải thu quá hạn thời thanh toán trên 3 năm	100%
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 2 năm dưới 3 năm	70%
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm dưới 2 năm	50%
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 6 tháng dưới 1 năm	30%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Hàng tồn kho của công ty chủ yếu công cụ dụng cụ và ấn chỉ bảo hiểm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh:

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 40 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 10 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10 năm

Phần mềm máy vi tính 3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: chi phí trả trước tiền thuê nhà, chi phí hoa hồng nghiệp vụ bảo hiểm chưa phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn khác... liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ: phản ánh các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh và việc kết chuyển chi phí hoa hồng bảo hiểm vào chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm của các kỳ kế toán sau trong một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh 12 tháng theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nghiệp vụ:

Công ty trích lập dự phòng theo thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và công văn phương pháp trích lập dự phòng của VASS được phê duyệt của Bộ Tài Chính số 2472/BTC-QLBH ngày 06/03/2018.

Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ**Dự phòng phí chưa được hưởng**

Các hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống:

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Các hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm: áp dụng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại điểm a khoản 2 điều 35 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023.

Dự phòng bồi thường

Áp dụng phương pháp trích lập theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường quy định tại điều 36 thông tư 67/2023/TT-BTC. Cụ thể:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo tỷ lệ 3% tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Theo quy định tại điều 37 thông tư 67/2023/TT-BTC. Cụ thể:

Mức trích lập tối đa hàng năm được áp dụng theo tỷ lệ từ 1% đến 3% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học: được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được trích lập theo hướng dẫn sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe trên 1 năm và từ 5 năm trở xuống do doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài triển khai, chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài lựa chọn trích lập dự phòng toán học theo một trong các phương pháp sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a điểm 3.1 khoản 3 Điều 18 Thông tư này:

o Với sản phẩm đóng phí một lần, dự phòng toán học tại thời điểm cuối mỗi tháng hiệu lực được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi trả trong tương lai.

Kí hiệu V_k là dự phòng toán học tại cuối tháng hợp đồng thứ k

o Tại thời điểm bắt đầu có hiệu lực: $V_0 = 0$

o Tại cuối tháng hợp đồng thứ k : $V_k = SA \times A_{\overline{k}|i} \cdot (2 - (i-k)^2(m-1)(v^{i-k+1}) + (i-k)(m+1) \times q \times (i))$

Các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe còn lại có thời hạn dưới 1 năm: áp dụng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại điều 35 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023.

VASS chi triển khai sản phẩm bảo hiểm người vay tín dụng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn số 15804/BTC-QLBH ngày 30/10/2015 của Bộ Tài chính, có bảo hiểm cho trường hợp chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn. VASS đăng ký áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần theo công thức nêu trên, trong đó, số tiền bảo hiểm áp dụng là số dư nợ ban đầu (theo quy tắc, số tiền bảo hiểm mà VASS chi trả cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là số dư nợ còn lại). Vì dự phòng toán học theo Số tiền bảo hiểm sẽ lớn hơn dự phòng toán học theo Dư nợ còn lại, đảm bảo tính thận trọng hơn.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe còn lại, áp dụng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại Điều 35 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023.

Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng: Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống được áp dụng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại Điều 35 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023.

Trích lập dự phòng bồi thường: Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết, được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết theo quy định tại điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường: trích lập dự phòng theo tỷ lệ 3% phí thực giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Trích lập dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích lập hàng năm được áp dụng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 37 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% và được tiếp tục trích lập cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của công ty. Đến 31/12/2023, lợi nhuận lũy kế vẫn còn âm nên công ty không trích lập quỹ dự trữ bắt buộc.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc: Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ tài chính quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- 1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- 2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- 3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn). Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Trong mọi trường hợp thời gian nợ phí bảo hiểm không được vượt quá thời gian bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp đồng bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán vào doanh thu khoản thu phí bảo hiểm gốc được phân bổ theo tỷ lệ đồng bao hiểm.

Trường hợp nhận tái bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán vào doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận.

Trường hợp nhượng tái bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm cùng kỳ với kỳ kế toán quý ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Đối với các khoản thu còn lại: doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hạch toán vào thu nhập ngay khi hoạt động kinh tế phát sinh, có bằng chứng chấp thuận thanh toán của các bên, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với các khoản phải chi để giảm thu: doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hạch toán vào giảm thu nhập ngay khi hoạt động kinh tế phát sinh, có bằng chứng chấp thuận của các bên, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

19. Nguyên tắc xác định chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hạch toán chi phí theo các nguyên tắc sau:

1. Các khoản chi phải đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.
2. Doanh nghiệp bảo hiểm được chi tối đa 2% số phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính để chi cho các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Kinh doanh bảo hiểm.
3. Chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác trong hợp đồng đại lý bảo hiểm không vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi bồi thường: Chi bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng, những nghiệp vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường tổn thất.

Chi hoa hồng bảo hiểm: Chi phí hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc thực thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Điều 51 và Điều 55 thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính toán vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang kỳ sau phân bổ.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong năm. Công ty đã được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2019.

22. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.074 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2023: 23.244 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:**1. Nguyên tắc ghi nhận thông tin về các bên liên quan:**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận.

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Bộ phận chính yếu: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận thứ yếu: Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính:**Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, khoản đầu tư sẵn sàng để bán và khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	5.562.691.420	3.452.789.832
Tiền mặt	1.694.189.912	1.019.975.738
Tiền gửi ngân hàng	3.868.501.508	2.432.814.094
Cộng	5.562.691.420	3.452.789.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (b)	422.576.877	2.413.001.277
Đầu tư ngắn hạn khác	307.737.914.819	272.820.604.960
Cho vay ngắn hạn (a)	7.737.914.819	22.820.604.960
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Aquaone</i>	-	5.339.690.141
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư TM và DV Nguyễn An</i>	2.275.000.000	2.275.000.000
<i>Quỹ hỗ trợ môi trường xanh Việt Nam</i>	-	9.510.000.000
<i>Công ty CP Công nghệ Tài chính Netfin</i>	3.100.000.000	3.100.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashia</i>	1.900.000.000	1.900.000.000
<i>Công ty CP Nhập khẩu và Chế biến than</i>	370.000.000	370.000.000
<i>Các cá nhân và tổ chức khác</i>	92.914.819	325.914.819
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng	300.000.000.000	250.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP VietinBank</i>	300.000.000.000	250.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (c)	(7.650.645.627)	(11.544.782.749)
Cộng	300.509.846.069	263.688.823.488

(a) Cho vay ngắn hạn (< 1 năm) các tổ chức, cá nhân lãi suất 8%/năm, mục đích kết nối kinh doanh. Công ty đang tích cực thu hồi các khoản cho vay này trong năm 2024.

(b) Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tên chứng khoán	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán niêm yết	28.360	422.076.877	119.760	2.412.501.277
Ngân hàng TMCP ACB	71	6.322.534	71	6.322.534
NH TMCP XNK Việt Nam	5	109.128	5	109.128
Cty CP Văn Hóa Phương Nam	6	173.232	6	173.232
Cty CP Xây dựng số 5	7	879.583	7	879.583
Cty CP Cấp nước Nhà Bè	-	-	100.000	2.300.000.000
Cty CP Bao Bì Thực Vật	8	136.800	8	136.800
Ngân hàng TMCP OCB	5.063	27.003.600	19.663	104.880.000
Công ty Chứng khoán SG HN	23.200	387.452.000	-	-
Trái phiếu	5	500.000	5	500.000
NH TMCP Nhà Hà Nội	5	500.000	5	500.000
Cộng	28.365	422.576.877	119.765	2.413.001.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(c) Danh mục lập dự phòng đầu tư ngắn hạn:

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cho vay ngắn hạn	7.645.000.000	(7.645.000.000)	17.155.000.000	(11.039.000.000)
Công ty CP Đầu tư TM và DV Nguyễn An	2.275.000.000	(2.275.000.000)	2.275.000.000	(2.275.000.000)
Quỹ hỗ trợ môi trường xanh Việt Nam	-	-	9.510.000.000	(3.505.000.000)
Công ty CP Công nghệ Tài chính Netfin	3.100.000.000	(3.100.000.000)	3.100.000.000	(3.100.000.000)
Công ty TNHH MTVVT Vinashin	1.900.000.000	(1.900.000.000)	1.900.000.000	(1.900.000.000)
Công ty CP Nhập khẩu và Chế biến than	370.000.000	(370.000.000)	370.000.000	(259.000.000)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	7.621.277	(5.645.627)	2.307.621.277	(505.782.749)
Cty CP Cấp nước Nhà Bè	-	-	2.300.000.000	(500.000.000)
Ngân hàng TMCP Á Châu	6.322.534	(4.625.634)	6.322.534	(4.767.634)
Ngân hàng TMCP XNK VN	109.128	(17.378)	109.128	-
Cty CP Văn Hóa Phương Nam	173.232	(119.232)	173.232	(117.732)
Cty CP XD số 5	879.583	(746.583)	879.583	(760.583)
Cty CP Bao Bì Thực Vật	136.800	(136.800)	136.800	(136.800)
Cộng	7.652.621.277	(7.650.645.627)	19.462.621.277	(11.544.782.749)

(*) Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng Cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con	10.500.000	54.400.000.000	10.500.000	54.400.000.000
<i>Công ty CP chứng khoán Viễn Đông (d)</i>	10.500.000	54.400.000.000	10.500.000	54.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.952.400	89.111.596.200	4.277.400	192.321.596.200
Dầu tư dài hạn khác	3.952.400	88.364.596.200	4.277.400	118.784.596.200
<i>Công ty CP DV & Đầu tư Lian (e)</i>	1.671.800	16.718.000.000	1.671.800	16.638.000.000
<i>Cty CP An Phú</i>	450.000	46.063.600.100	450.000	46.063.600.100
<i>Cty CP Đồng Tâm</i>	-	-	325.000	30.500.000.000
<i>Cty CP Bột Mì Bình An</i>	655.600	13.832.996.100	655.600	13.832.996.100
<i>Cty CP đầu tư kinh doanh điện lực Tp.HCM</i>	1.035.000	10.350.000.000	1.035.000	10.350.000.000
<i>Cty CP Luyện Cán Thép Phú Thọ</i>	140.000	1.400.000.000	140.000	1.400.000.000
Cho vay dài hạn		747.000.000		73.537.000.000
<i>Công ty CP DV & Đầu tư Lian</i>		747.000.000		-
<i>Cty CP Bảo Đàm Vina</i>		-		26.000.000.000
<i>Cty CP Animus Việt Nam</i>		-		47.537.000.000
Dự phòng suy giảm đầu tư tài chính dài hạn (l)		(74.244.231.363)		(71.988.221.898)
Cộng		69.267.364.837		174.733.374.302

(l) Danh mục lập dự phòng đầu tư dài hạn:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự phòng suy giảm đầu tư tài chính dài hạn				
<i>Cty CP CK Viễn Đông</i>	54.400.000.000	(53.679.470.291)	54.400.000.000	(53.679.470.291)
<i>Công ty CP DV & Đầu tư Lian</i>	16.718.000.000	(5.331.764.972)	16.638.000.000	(3.075.755.507)
<i>Cty CP Bột Mì Bình An</i>	13.832.996.100	(13.832.996.100)	13.832.996.100	(13.832.996.100)
<i>Cty CP Luyện Cán Thép Phú Thọ</i>	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000	(1.400.000.000)
Cộng	86.350.996.100	(74.244.231.363)	86.270.996.100	(71.988.221.898)

(d) Đến ngày 31/12/2023, Công ty đầu tư 78% cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông. Ngày 23/8/2016, Chủ tịch UBCKNN ban hành Quyết định số 884/QĐ-UBCK về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của CTCP chứng khoán Viễn Đông (VDSE). Công ty đã tiến hành lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này được 99%/giá trị đầu tư.

(e) Đến ngày 31/12/2023, Công ty góp đủ 100% vốn cam kết góp vào Công ty CP Dịch vụ và đầu tư Lian; vốn cam kết góp là 16.718.000.000 VND (1.671.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,7% vốn điều lệ Lian). Công ty CP Dịch vụ và đầu tư Lian được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315666562 ngày 09/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp. Công ty Lian mới đi vào hoạt động, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầy đủ theo BCTC chưa được kiểm toán năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư của Công ty cổ phần An Phú và Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực Thành phố Hồ Chí Minh công ty nắm giữ nhằm đầu tư lâu dài, hoạt động ổn định có lãi, chia cổ tức và lợi nhuận lũy kế dương nên không lập dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư dài hạn.

Các khoản đầu tư của Công ty cổ phần Bội Mĩ Bình An và Công ty Cp Luyện Cán Thép Phú Thọ hoạt động lỗ âm vốn nên lập dự phòng suy giảm 100% giá trị khoản đầu tư dài hạn.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn chưa thể xác định chính thức do các công ty chưa thu thập đầy đủ giá thị trường tin cậy tại ngày 31/12/2023 vì các công ty này chưa niêm yết trên các thị trường chính thức. Do đó, công ty chỉ ghi nhận giá trị hợp lý theo giá gốc có điều chỉnh dự phòng tổn thất các khoản đầu tư và thuyết minh đầy đủ về tình hình hoạt động của các khoản đầu tư trên.

3. a. Các khoản phải thu khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	74.991.272.010	(10.580.469.018)	53.727.074.386	(8.769.353.160)
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	74.991.272.010	(10.580.469.018)	53.727.074.386	(8.769.353.160)
Phải thu phí bảo hiểm gốc	54.947.690.038	(10.580.469.018)	18.163.449.126	(8.769.353.160)
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	9.603.506.898	-	8.978.663.901	-
Phải thu bồi thường, thu khác TBII	10.440.075.074	-	26.584.961.359	-
Phải thu dài hạn khách hàng	84.648.685.636	(84.648.685.636)	84.648.685.636	(84.648.685.636)
Lê Trọng Khơi (n1)	41.282.592.357	(41.282.592.357)	41.282.592.357	(41.282.592.357)
Nguyễn Như Hoàng (n2)	43.366.093.279	(43.366.093.279)	43.366.093.279	(43.366.093.279)
Cộng	159.639.957.646	(95.229.154.654)	138.375.760.022	(93.418.038.796)

(n1) Đây là khoản phải thu từ việc mua bán cổ phiếu HBB (Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội) vào năm 2010. (n2) cổ phiếu PNB (Ngân hàng TMCP Phương Nam) và OCB (Ngân hàng TMCP Phương Đông) vào năm 2011.

3. b. Trả trước cho người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trả trước ngắn hạn	209.550.000	(200.000.000)	251.460.000	(150.000.000)
Trả trước nhà cung cấp khác	209.550.000	(200.000.000)	251.460.000	(150.000.000)
Các nhà cung cấp khác	209.550.000	(200.000.000)	251.460.000	(150.000.000)
Cộng	209.550.000	(200.000.000)	251.460.000	(150.000.000)